

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 08 - 01 - 2025  
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Minh Loan.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Mai Lan.
- Ông Nguyễn Văn Soan.

*- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.*

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1160/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 666/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1986.*

*Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin vắng mặt).*

*2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1954.*

*Địa chỉ: Số B đường N, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Đức L tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau, rồi tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86/2017, ngày 12/10/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn tình cảm, ông L không còn quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng

không thành. Nay nhận thấy không thể hàn gắn được quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 05/3/2019. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức L trình bày (theo bản tự khai đề ngày 28/10/2024):

Ông và bà T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Hai vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Hiện nay ông không còn tình cảm với bà T, nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 05/3/2019. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Trần Thị Ánh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức L nên quan hệ giải quyết trong vụ án là tranh chấp ly hôn, ông Nguyễn Đức L có địa chỉ tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T và bị đơn ông Nguyễn Đức L có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ánh T và ông Nguyễn Đức L.

[3] *Về nội dung:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà Trần Thị Ánh T và ông Nguyễn Đức L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2017, ngày 12/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà Trần Thị Ánh T trình bày giữa bà và ông Nguyễn Đức L bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông L không còn quan tâm đến bà và con. Bà và ông L đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Về phía ông L cũng trình bày, hai bên đã ly thân và ông không còn tình cảm với bà T nên ông đồng ý ly hôn với bà T nhưng ông xin vắng mặt không đồng ý gặp bà T. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Nguyễn Đức L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*Về con chung:* Có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 05/3/2019.

Bà Trần Thị Ánh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Đức L đồng ý theo yêu cầu của bà Trần Thị Ánh T. Nên hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự. Giao trẻ Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 05/3/2019 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông L cho đến khi có yêu cầu.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Trần Thị Ánh T và ông Nguyễn Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Trần Thị Ánh T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí, lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Đức L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2017, ngày 12/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 05/3/2019 cho bà Trần Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đức L không cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Đức L cho đến khi có yêu cầu.

Ông Nguyễn Đức L được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Ánh T và ông Nguyễn Đức L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ánh T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0014523 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ánh T và ông Nguyễn Đức L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã Hòa Sơn, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Loan**